

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Học viện Chính trị khu vực II công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 (đến 31/12/2025) như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025 (đến 31/12/2025)	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí		33.470		76,89
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu đào tạo không tập trung		25.274		91,23
3	Thu sự nghiệp khác		8.196		51,79
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		33.470		76,89
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi đào tạo không tập trung		25.274		91,23
3	Chi sự nghiệp khác		8.196		51,79
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu đào tạo không tập trung				
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	133.296	113.453	85,11	149,30
I	Nguồn ngân sách trong nước	133.296	113.453	85,11	149,30

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025 (đến 31/12/2025)	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100-102)	2.103	1.914	90,99	74,43
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.103	1.914	90,99	74,43
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	840	720	85,71	46,15
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	1.263	1.194	94,50	118,05
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	130.893	111.389	85,10	152,76
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Loại 070-083)	81.846	71.747	87,66	115,73
	Trong đó:				
	<i>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</i>	<i>81.639</i>	<i>71.540</i>	<i>87,63</i>	
	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên giao tự chủ</i>	<i>207</i>	<i>207</i>	<i>100,00</i>	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)	48.547	39.142	80,63	358,31
	Trong đó:				
	<i>Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>36.964</i>	<i>30.827</i>	<i>83,40</i>	<i>291,32</i>
	<i>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác</i>	<i>3.914</i>	<i>683</i>	<i>17,45</i>	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP</i>	<i>6.933</i>	<i>6.896</i>	<i>99,47</i>	
	<i>Tiết kiệm chi thường xuyên không giao tự chủ</i>	<i>736</i>	<i>736</i>	<i>100,00</i>	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085)	500	500	100,00	100,00

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025 (đến 31/12/2025)	Ước thực hiện năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4	Chi điều tra cơ bản- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	300	150	50,00	30,00
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	300	150	50,00	30,00

Ghi chú:

Dự toán năm bao gồm dự toán năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-083)(Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ): 14.775.000.000 đồng.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070-085): 300.000.000 đồng. ✓



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Tấn Vinh

